

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

HOÀNG THỊ ANH THƯ

PHÁP LUẬT VỀ
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ Ở VIỆT NAM

Chuyên ngành: Luật kinh tế
Mã số: 60 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS.TS NGÔ HUY CƯỜNG

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa
Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 20....

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Lời cam đoan

Mục lục

MỞ ĐẦU1

Chương 1: LÝ LUẬN VỀ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ6

1.1. Khái niệm và đặc điểm của nghề luật sư.....6

1.1.1. Khái niệm Luật sư và hành nghề luật sư.....6

1.1.2. Đặc điểm nghề luật sư.....7

1.2. Địa vị pháp lý của luật sư11

1.2.1 Vai trò của luật sư trong xã hội.....11

1.2.2 Quyền và nghĩa vụ của luật sư.....17

1.3. Quy chế hành nghề luật sư22

1.3.1 Những quy chế chung22

1.3.2 Những quy chế cụ thể27

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ Ở VIỆT NAM.....43

2.1. Những quy định chung43

2.1.1 Khái niệm luật sư:43

2.1.2 Chức năng xã hội của luật sư45

2.1.3 Nguyên tắc hành nghề Luật sư.....46

2.1.4. Đạo đức nghề nghiệp luật sư.....46

d. Các quy tắc khác52

2.1.5 Quản lý luật sư và hành nghề luật sư:52

2.2. Những quy định cụ thể.....53

2.2.1 Quy định của pháp luật về vào nghề53

2.2.2 Quy định của pháp luật về hành nghề Luật sư66

2.2.3 Quy định của pháp luật về chấm dứt hoạt động luật sư88

2.2.4 Quy định pháp luật về luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam.....	96
2.3 Thực trạng hành nghề luật sư ở Việt Nam	99
Chương 3: KIẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP	104
3.1. Phần các quy định chung.....	104
3.2. Về quy định vào nghề luật sư	104
3.3. Quy định hành nghề luật sư	106
3.3.1 Điều kiện hành nghề	106
3.3.2 Hình thức hành nghề.....	107
3.3.3. Một số hoạt động hành nghề cụ thể của luật sư	107
3.3.4. Trách nhiệm pháp lý trong hành nghề luật sư:.....	113
3.4. Quy định chấm dứt hành nghề luật sư.....	113
3.5. Quy định về tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam.....	115
KẾT LUẬN	116
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	118

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Thực tiễn cho thấy ở một quốc gia luôn hướng tới xây dựng nền dân chủ vững mạnh, xây dựng nhà nước pháp quyền thì sứ mệnh bảo vệ công lý, đảm bảo công bằng xã hội là nhiệm vụ được đặt lên hàng đầu trong quá trình phát triển. Đặc biệt, ở Việt Nam, một quốc gia đang phát triển, trong xu thế hội nhập hiện nay, việc đảm bảo dân chủ và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một tiền đề quan trọng để nghề luật nói chung và nghề luật sư nói riêng ngày càng phát triển và khẳng định vị thế của mình trong xã hội.

Nghề luật sư ở Việt Nam đã có nhiều khởi sắc và đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Do đó các quy định của pháp luật về hành nghề luật sư cũng cần được đặc biệt quan tâm. Trải dài suốt chiều dài lịch sử của đất nước, pháp luật về hành nghề luật sư đã được hình thành và nhiều lần được sửa đổi, bổ sung để ngày càng hoàn thiện hơn. Cho đến hôm nay chúng ta đã có một hệ thống các văn bản pháp luật khá đầy đủ điều chỉnh lĩnh vực này góp phần khẳng định vai trò của luật sư trong xã hội, đa dạng hóa các hình thức hành nghề luật sư và thúc đẩy sự phát triển của nghề luật sư. Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đó, pháp luật về hành nghề luật sư ở Việt Nam cũng còn khá nhiều bất cập tạo ra nhiều vướng mắc, thậm chí cản trở hoạt động hành nghề luật sư và hoạt động của các cá nhân, tổ chức có liên quan. Những bất cập này cần được nhanh chóng khắc phục mới tạo ra một hành lang pháp lý thuận lợi để các luật sư có điều kiện đóng góp nhiều hơn cho xã hội.

Xuất phát từ tầm quan trọng của luật sư và pháp luật về luật sư trong sự nghiệp phát triển đất nước, cùng với việc ý thức được những thành tựu và bất cập của pháp luật về hành nghề luật sư nên em chọn đề tài “Pháp luật về hành nghề luật sư ở Việt Nam” làm đề tài luận văn thạc sỹ của mình với mong muốn đem lại được một cái nhìn bao quát về luật sư và hành nghề luật sư, qua đó đưa ra một số kiến nghị góp một phần nhỏ vào sự phát triển của nghề luật sư trong công cuộc xây dựng đất nước hùng mạnh hơn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài:

Chính vì vai trò quan trọng của luật sư trong xã hội và sự phát triển khá nhanh của nghề luật sư nên đã có nhiều tổ chức và cá nhân nghiên cứu về vấn đề này. Có thể kể ra một số đề tài đã được nghiên cứu như: Đề tài “Bàn về khái niệm và đặc điểm nghề luật sư” do Luật sư Phan Trung Hoài – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – thực hiện. Đề tài cấp bộ “Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư trong điều kiện mới ở Việt Nam”, Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Văn Thảo – Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp; Đề tài “Vai trò của luật sư trong quá trình giải quyết khiếu nại hành chính hiện nay”, Chủ nhiệm đề tài: Thạc sỹ Nguyễn Sỹ Giao – Viện Khoa học thanh tra.

Ngoài ra còn có nhiều bài viết đăng trên các báo và tạp chí, như: Bài viết “Vai trò của Luật sư trong tổ tụng hành chính” của luật sư Nguyễn Thành Vĩnh; Bài viết “Chiến lược phát triển nghề luật sư còn thiếu sót” của luật sư Ngô Ngọc Trai; Bài viết “Xóa bỏ rào cản với nghề Luật sư” của Vạn Bảo; Bài viết “Chuyện về chiếc thẻ luật sư” của Luật sư Phan Trung Hoài.

Tuy nhiên các đề tài, chuyên đề và bài viết nêu trên mới chỉ cụ thể hóa một khía cạnh về hành nghề luật sư ở Việt Nam. Chưa có đề tài nào khái quát chung được vấn đề “Pháp luật về hành nghề luật sư ở Việt Nam”.

3. Mục tiêu nghiên cứu:

3.1. Mục tiêu tổng quát:

Mục tiêu tổng quát của luận văn là làm rõ được các quy chế về nghề luật sư và hành nghề luật sư, hệ thống được các quy định pháp luật về hành nghề luật sư ở Việt Nam, chỉ ra những điểm bất cập và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Khái quát một cách có hệ thống các vấn đề lý luận về luật sư và hành nghề luật sư ; Nắm bắt được thực trạng pháp luật về vấn đề này; Thông qua thực tiễn áp dụng pháp luật để thấy được những bất cập của pháp luật; Đề ra hướng hoàn thiện pháp luật.

4. Tính mới và những đóng góp của đề tài

4.1. Tính mới của đề tài

Đề tài nghiên cứu một cách toàn diện, có tính hệ thống về luật sư và hành nghề luật sư, các quy định pháp luật liên quan đến mọi khía cạnh của hành nghề luật sư ở Việt Nam. Đề tài có tính mới, và tính khái quát cao hơn các đề tài đã được thực hiện.

4.2. Những đóng góp của đề tài:

Đề tài giúp người nghiên cứu và người đọc có được sự hiểu biết bao quát về hành nghề luật sư ở Việt Nam, quy định của pháp luật về vấn đề này, thực trạng hành nghề luật sư ở Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu đưa ra kiến nghị xây dựng pháp luật.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

5.1 Đối tượng nghiên cứu:

Đề tài tập trung nghiên cứu những đối tượng sau: Vấn đề luật sư và hành nghề luật sư; Các quy định pháp luật Việt Nam về hành nghề luật sư

5.2 Phạm vi nghiên cứu:

Luận văn phân tích khái quát các vấn đề liên quan đến hành nghề luật sư ở Việt Nam, các quy định pháp luật về vấn đề này, đối chiếu với pháp luật trước đây và so sánh với pháp luật nước ngoài để chỉ ra những điểm tiến bộ, những bất cập để có được phương hướng sửa đổi, bổ sung hoàn thiện pháp luật

6. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

6.1. Nội dung nghiên cứu:

Luận văn nghiên cứu các nội dung sau: Lý luận và thực tiễn về hành nghề luật sư; Thực trạng pháp luật về hành nghề luật sư ở Việt Nam; Kiến nghị các giải pháp

6.2 Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Ngoài ra trong quá trình nghiên cứu đề tài, những phương pháp khoa học như: So sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê cũng được sử dụng để giải quyết những vấn đề mà đề tài đặt ra.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần đặt vấn đề, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận về hành nghề luật sư

Chương 2: Thực trạng pháp luật về hành nghề luật sư ở Việt Nam hiện nay

Chương 3: Kiến nghị một số giải pháp

Chương 1: LÝ LUẬN VỀ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

1.1. Khái niệm và đặc điểm của nghề luật sư

1.1.1. Khái niệm Luật sư và hành nghề luật sư

Luận văn khái quát quá trình hình thành và phát triển nghề luật sư trên thế giới đồng thời đưa ra một số quan niệm khác nhau về khái niệm luật sư và hành nghề luật sư. Từ đó đưa ra khái niệm: Luật sư là những người có đủ điều kiện hành nghề chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện việc tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cá nhân, tổ chức trước các cơ quan tiến hành tố tụng và thực hiện các dịch vụ pháp lý khác. Hành nghề luật sư là việc luật sư tham gia hoạt động tố tụng, thực hiện tư vấn pháp luật, các dịch vụ pháp lý khác theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Đặc điểm nghề luật sư

Luận văn khái quát một số đặc điểm của nghề luật sư: Nghề luật sư là một nghề luật (tại điểm a, tiểu mục 1.1.2); Nghề luật sư hoạt động dựa trên pháp luật và quy chế trách nhiệm nghề nghiệp (tại điểm b, tiểu mục 1.1.2); Nghề luật sư là một nghề mang tính nhân văn sâu sắc (tại điểm c, tiểu mục 1.1.2); Nghề luật sư mang tính trách nhiệm cá nhân cao (tại điểm d, tiểu mục 1.1.2); Nghề Luật sư sử dụng kiến thức tổng hợp của nhiều lĩnh vực (tại điểm e, tiểu mục 1.1.2).

1.2 . Địa vị pháp lý của luật sư

1.2.1. Vai trò của luật sư trong xã hội

Luật sư có vai trò vô cùng quan trọng trong xã hội. Tại tiểu mục 1.2.1 tác giả đi sâu phân tích vai trò của luật sư trong việc bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng trước các cơ quan tiến hành tố tụng, trong việc tư vấn pháp luật, trong việc thực hiện các dịch vụ pháp lý khác và trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật và xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

1.2.2. Quyền và nghĩa vụ của luật sư

a. Quyền của luật sư

Có thể khái quát một số quyền cơ bản của luật sư như sau: Luật sư được quyền hành nghề và lựa chọn hình thức hành nghề; Luật sư có quyền

tự mình quyết định lĩnh vực và vụ việc cụ thể để hành nghề; Lựa chọn địa điểm hành nghề; Các quyền khác theo quy định của từng lĩnh vực cụ thể.

b. Nghĩa vụ của luật sư

Luật sư có các nghĩa vụ sau : Tôn trọng các quy định của pháp luật ; Tôn trọng đạo đức xã hội và các quy tắc ứng xử nghề nghiệp; Luôn luôn trau dồi nâng cao kiến thức và kinh nghiệm của mình; Sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng.

1.3. Quy chế hành nghề luật sư

1.3.1 Những quy chế chung

a. Nguyên tắc hành nghề Luật sư

Luật sư phải đặc biệt tuân thủ pháp luật và quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Trong hoạt động nghề nghiệp, luật sư phải độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan. Để đảm bảo cung cấp được dịch vụ tốt nhất tới khách hàng thì luật sư cần phải thực hiện các hoạt động hành nghề với niềm đam mê và nỗ lực đạt kết quả tốt nhất.

b. Đạo đức nghề nghiệp luật sư

Trong quá trình hành nghề luật sư phải luôn giữ gìn phẩm giá và uy tín nghề nghiệp, không ngừng trau dồi đạo đức, nâng cao trình độ chuyên môn để hoàn thành tốt chức năng nghề nghiệp của luật sư, góp phần tôn vinh nghề nghiệp luật sư. Luật sư cũng cần độc lập, trung thực và khách quan, không vì bất cứ lợi ích vật chất, tinh thần hoặc áp lực nào khác mà làm sai lệch sự thật, trái pháp luật trong hoạt động hành nghề. Cách ứng xử trong hành nghề và trong lối sống của luật sư phải đúng mực, có văn hóa để luôn tạo được sự tin cậy và tôn trọng của xã hội đối với Luật sư và nghề luật sư. Luật sư cần thấy được nghĩa vụ cao cả của luật sư là tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và đối tượng chính sách. Muốn thực hiện các quy tắc chung đó người luật sư phải thực hiện đầy đủ các quy tắc cụ thể trong quan hệ, ứng xử với khách hàng, với cơ quan nhà nước và với đồng nghiệp. Ngược lại khi thực hiện các quy tắc cụ thể, luật sư phải dựa vào những quy tắc chung về đạo đức nghề nghiệp luật sư. Các quy tắc này luôn bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau và tạo thành bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của luật sư.

c. Quản lý luật sư và hành nghề luật sư:

Việc quản lý luật sư và hành nghề luật sư cần thiết phải kết hợp chặt chẽ giữa tự quản và quản lý nhà nước.

1.3.2 Những quy chế cụ thể

a. Quy chế vào nghề

Một người muốn trở thành luật sư thì phải có kiến thức chuyên sâu về khoa học pháp lý, có phẩm chất đạo đức tốt, được đào tạo bài bản, có hệ thống về chuyên ngành luật, đủ kinh nghiệm, năng lực, sức khỏe để hành nghề luật sư. Ở mỗi quốc gia có quy định khác nhau về các điều kiện này. Theo pháp luật Pháp, để trở thành luật sư phải qua thời gian đào tạo nghề bao gồm 1 năm đào tạo, 4-5 tháng thực tập tại các hãng luật và phải có thời gian tập sự hành nghề là 2 năm. Ở Singapore, để trở thành luật sư, ứng viên phải trải qua khoá đào tạo nghề năm tháng và thời gian tập sự là sáu tháng nếu tập sự cùng với một luật sư hành nghề tư nhân và ba năm nếu tập sự với một luật sư làm việc cho Chính phủ. Ở Mỹ, đào tạo luật là đào tạo sau đại học, sinh viên luật là những người đã có bằng cử nhân một môn khoa học bất kì. Mỹ không bắt buộc phải qua tập sự mới được hành nghề mà thực tế trong thời gian đào tạo tại trường sinh viên đã nắm được đầy đủ kỹ năng hành nghề.

b. Quy chế hành nghề

Người muốn trở thành luật sư phải có các kỹ năng hành nghề luật sư và phải đăng ký hoạt động luật sư với một tổ chức quản lý hành nghề luật sư. Luật sư có thể hành nghề với tư cách cá nhân hoặc hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư. Tổ chức hành nghề luật sư là mô hình doanh nghiệp chịu trách nhiệm vô hạn. Theo pháp luật của các nước trên thế giới, các hình thức hành nghề Luật sư chủ yếu vẫn là Văn phòng luật sư và công ty luật hợp danh.

Những hoạt động pháp lý của luật sư bao gồm: hoạt động tham gia tố tụng, hoạt động tư vấn pháp luật và hoạt động thực hiện các dịch vụ pháp lý khác. Hoạt động tham gia tố tụng của luật sư là việc luật sư tham gia vào các giai đoạn của một vụ việc để bào chữa hoặc bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng. Luật sư có thể được tham gia từ giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng. Mục đích của luật sư tham gia tố tụng

là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng, đảm bảo sự công bằng trong xã hội, bảo vệ pháp luật. Tư vấn pháp luật là việc giải đáp các vấn đề về pháp luật, hướng dẫn ứng xử đúng pháp luật nhằm giúp cá nhân, tổ chức thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Tư vấn pháp luật là hoạt động không thể thiếu trong hành nghề luật sư. Kể cả khi luật sư nhận tranh tụng, bảo vệ quyền và lợi ích của khách hàng trước cơ quan tiến hành tố tụng, hay khi luật sư đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng, luật sư cũng cần cung cấp đến khách hàng những quy định của pháp luật có liên quan, qua đó hướng dẫn khách hàng ứng xử đúng với các quy định đó. Đó chính là việc làm tư vấn pháp luật. Bên cạnh việc tham gia các hoạt động tố tụng, tư vấn pháp luật, luật sư còn có các hoạt động pháp lý khác như đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng, giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc liên quan đến thủ tục hành chính; giúp đỡ về pháp luật trong trường hợp giải quyết khiếu nại; dịch thuật, xác nhận giấy tờ, các giao dịch và giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc khác theo quy định của pháp luật...

Luận văn cũng nêu ra một số vấn đề về trách nhiệm pháp lý trong hoạt động hành nghề luật sư. Theo đó, trách nhiệm pháp lý trong hoạt động luật sư phát sinh khi chủ thể vi phạm bất cứ quy định nào của pháp luật (bao gồm quy định của tất cả các ngành luật) trong khi tiến hành các hoạt động hành nghề luật sư.

Trách nhiệm pháp lý trong hoạt động hành nghề luật sư bao gồm trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự và trách nhiệm hình sự.

c. Quy chế chấm dứt hoạt động luật sư

Hoạt động hành nghề luật sư có thể chấm dứt dựa trên sự tự nguyện của các luật sư. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân tự quyết định chấm dứt hoạt động hành nghề của mình. Tổ chức hành nghề luật sư có thể chấm dứt hoạt động dựa trên sự tự nguyện của các luật sư thành viên.

Việc thay đổi loại hình tổ chức hành nghề luật sư cũng được coi là tự nguyện chấm dứt hoạt động của tổ chức cũ. Đây là trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hành nghề luật sư.

Hoạt động luật sư có thể bị buộc phải chấm dứt. Đây là việc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân hoặc tổ chức hành nghề luật sư bị cơ quan

có thẩm quyền buộc phải chấm dứt hoạt động hành nghề luật sư mà không dựa trên sự tự nguyện của một hoặc các luật sư thành viên. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân bị buộc phải chấm dứt hoạt động luật sư khi không còn đủ các tiêu chuẩn hành nghề luật sư hoặc bị kỷ luật bằng hình thức buộc chấm dứt hoạt động luật sư. Tổ chức hành nghề luật sư buộc phải chấm dứt hoạt động khi không còn các luật sư thành viên; Khi tổ chức hành nghề luật sư lợi dụng việc hành nghề để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế, chính trị, văn hóa của quốc gia hoặc vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc hành nghề, tiêu chuẩn đạo đức và ứng xử nghề nghiệp cũng bị buộc chấm dứt hoạt động.

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ Ở VIỆT NAM

2.1. Những quy định chung

2.1.1. Khái niệm luật sư:

Theo quy định tại Luật luật sư “Luật sư là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo quy định của Luật này, thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là khách hàng)”

2.1.2. Chức năng xã hội của luật sư

Điều 3 Luật Luật sư quy định “Hoạt động nghề nghiệp của luật sư nhằm góp phần bảo vệ công lý, phát triển kinh tế và xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”

2.1.3. Nguyên tắc hành nghề Luật sư

Nguyên tắc hành nghề luật sư được quy định tại điều 5 Luật luật sư , bao gồm: Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; Tuân theo quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư; Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan; Sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nghề nghiệp luật sư.

2.1.4. Đạo đức nghề nghiệp luật sư

Ngày 20/7/2011 Hội đồng luật sư toàn quốc, thuộc liên đoàn luật sư Việt Nam ra Quyết định số 68/QĐ-HĐLSTQ về việc ban hành Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam (sau đây gọi là Bộ quy tắc).

Bộ quy tắc yêu cầu luật sư phải Bảo vệ công lý và nhà nước pháp quyền; Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan; Bảo vệ tốt nhất lợi ích của khách hàng theo quy định của pháp luật; Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, giữ gìn phẩm chất và uy tín nghề nghiệp, thái độ ứng xử đúng mực có văn hóa trong hành nghề và lợi sống để xứng đáng với sự tin cậy của xã hội.

a. Trong quan hệ với khách hàng

Luật sư tôn trọng sự lựa chọn luật sư của khách hàng, không phân biệt đối xử với các khách hàng. Luật sư chỉ nhận vụ việc theo khả năng chuyên môn, điều kiện của mình và thực hiện vụ việc trong phạm vi yêu cầu hợp pháp của khách hàng. Khi nhận vụ việc của khách hàng, luật sư phải ghi vào hợp đồng pháp lý và giải thích cho khách hàng về quyền và nghĩa vụ của các bên, thù lao. Đồng thời luật sư phải cho khách hàng biết tính hợp

pháp trong yêu cầu của khách hàng, những khó khăn và thuận lợi trong việc thực hiện dịch vụ, quyền khiếu nại và thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng. Khi thực hiện vụ việc của khách hàng luật sư cần chủ động, tích cực, không để tiền bạc và lợi ích vật chất chi phối, thực hiện việc nhận, sử dụng và trả lại hồ sơ mà khách hàng cung cấp theo đúng quy định.

b.Trong mối quan hệ với đồng nghiệp

Quy tắc 20 nêu ra những việc luật sư không được làm trong quan hệ đồng nghiệp: Xúc phạm danh dự, hạ thấp uy tín của đồng nghiệp, gây bất lợi đối với đồng nghiệp để dành lợi thế về mình thông qua đe dọa, gây áp lực hoặc sử dụng các thủ thuật không lành mạnh; thông đồng với luật sư của bên đối lập với khách hàng của mình để trục lợi riêng; Trao đổi với khách hàng đối lập với khách hàng của mình để giải quyết vụ việc mà không thông báo cho luật sư của phía đối lập đó; Mời giới khách hàng cho đồng nghiệp để đòi tiền hoa hồng; Áp dụng các thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh để giành giật khách hàng.

Quy tắc 21 đưa ra chuẩn mực trong quan hệ của luật sư với tổ chức xã hội – nghề nghiệp luật sư và tổ chức hành nghề luật sư. Trong mối quan hệ này, luật sư phải nghiêm chỉnh chấp hành mọi nội quy, quy chế, điều lệ, nghị quyết, quyết định... của tổ chức xã hội nghề nghiệp luật sư và tổ chức hành nghề luật sư. Luật sư có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ danh dự, uy tín của tổ chức quản lý và tổ chức hành nghề luật sư.

Đối với người tập sự hành nghề luật sư, luật sư hướng dẫn phải tận tâm chỉ bảo, giúp đỡ, tạo điều kiện để người tập sự có thể tích lũy được nhiều nhất các kiến thức, kinh nghiệm về hoạt động hành nghề luật sư. Luật sư hướng dẫn không được phân biệt đối xử với những người tập sự, không được đòi hỏi lợi ích vật chất từ người tập sự hoặc buộc người tập sự phải làm những việc ngoài phạm vi tập sự để phục vụ lợi ích riêng của mình.

c.Trong quan hệ với các cơ quan nhà nước

Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp đòi hỏi luật sư phải tôn trọng và có thái độ lịch sự đối với những người làm trong cơ quan nhà nước. Luật sư không được lôi kéo những người trong cơ quan nhà nước làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội và lương tâm nghề nghiệp của người luật sư. Luật sư cũng không được trực tiếp hoặc gián tiếp gây khó khăn cho quá trình giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước.

d. Các quy tắc khác

Luật sư phải có thái độ tôn trọng và hợp tác với các cơ quan thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền pháp luật, đấu tranh phòng chống tội phạm và tiêu cực xã hội. Luật sư có nghĩa vụ cung cấp thông tin trung thực, chính xác, khách quan theo yêu cầu của cơ quan thông tin đại chúng nếu nhưng tin đó không ảnh hưởng tới quy tắc bảo mật và quyền lợi hợp pháp của khách hàng. Quy tắc cuối cùng trong bộ quy tắc quy định: Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư quảng cáo theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về các cam kết trong quảng cáo về chất lượng dịch vụ đối với xã hội.

2.1.5. Quản lý luật sư và hành nghề luật sư:

Quản lý luật sư và hành nghề luật sư được thực hiện theo nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước với chế độ tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư. Tuy nhiên hai điều luật về quản lý luật sư lại không nhắc tới các chủ thể liên quan đến việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực luật sư như: sở tư pháp, Bộ tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chính phủ

2.2. Những quy định cụ thể

2.2.1 Quy định của pháp luật về vào nghề

a. Điều kiện vào nghề luật sư

Điều 10 Luật luật sư năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2012 quy định về Tiêu chuẩn Luật sư như sau: Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, có sức khỏe bảo đảm hành nghề luật sư thì có thể trở thành luật sư

Những điều kiện quy định này là phù hợp với lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên cách thực hiện nó ở Việt Nam lại phát sinh nhiều tiêu cực như: tiêu cực trong thi cử của kỳ kiểm tra hết tập sự, nhiều thủ tục trong việc gia nhập Đoàn luật sư, phí gia nhập đoàn cao, khiến nhiều người được cấp chứng chỉ hành nghề nhưng không gia nhập Đoàn luật sư nào, nhiều người thì gia nhập Đoàn luật sư nhưng không hành nghề luật sư, không thực hiện chế độ báo cáo với Đoàn luật sư nên Đoàn không quản lý được hoạt động của những luật sư này.

b. Đào tạo nghề luật sư

Đào tạo nghề luật được bắt đầu bằng việc giảng dạy tại một trường đại học chuyên ngành luật ở Việt Nam hoặc nước ngoài. Hầu hết các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam thiên về lý thuyết, sinh viên ít được đào tạo về vấn đề thực hành nghề luật, ít có cơ hội tiếp cận thực tế nên chất lượng đào tạo chưa cao hầu hết sinh viên ra trường phải mất một thời gian dài mới đáp ứng được nhu cầu của công việc. Sau khi có bằng cử nhân luật, muốn trở thành luật sư thì phải tham gia một khoá đào tạo nghiệp vụ luật sư sáu tháng tại Học viện Tư pháp.

So sánh với một số nước phát triển trên thế giới thì quá trình đào tạo nghề luật nói chung và nghề luật sư nói riêng ở Việt Nam còn nhiều yếu kém. Yếu từ chất lượng đầu vào, yếu trong quá trình đào tạo và yếu cả về chất lượng khi ra trường, khi hành nghề

Một số trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư (điều 13 Luật luật sư) đã có kiến thức chuyên sâu về pháp luật và có thời gian được áp dụng những kiến thức đó vào thực tế. Tuy nhiên họ áp dụng kiến thức đó trong một vai trò khác với luật sư, đôi khi còn đối lập. Có những đối tượng quy định tại điều luật này có khi chưa một lần nhìn thấy luật sư hành nghề.

c. Tập sự hành nghề luật sư

Quy định về tập sự hành nghề luật sư ở Việt Nam cũng không thực sự là “tập sự” bởi người tập sự không được thực hành những kỹ năng của luật sư, họ được cho tập bơi nhưng không được xuống nước.

Quy định các trường hợp được miễn tập sự hành nghề Luật sư là chưa hợp lý. Bởi lẽ những người này đã có kiến thức sâu về pháp luật, họ có thời gian làm thực tế trong lĩnh vực pháp luật nhưng chưa chắc họ đã có kỹ năng của một luật sư.

Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư cũng còn nhiều bất cập. Cũng như bao kỳ thi khác ở Việt Nam, kỳ kiểm tra này cũng chưa đánh giá được thực chất khả năng của các thí sinh và còn tồn tại nhiều tiêu cực trong thi cử.

2.2.2 Quy định của pháp luật về hành nghề

a. Điều kiện hành nghề luật sư

Điều 11 Luật luật sư quy định điều kiện hành nghề luật sư như sau “Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật này muốn được hành nghề luật sư phải có Chứng chỉ hành nghề luật sư và gia nhập một Đoàn luật sư”

Quy định về Chứng chỉ hành nghề luật sư và gia nhập một Đoàn luật sư còn nhiều bất cập. “Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư” và “chứng chỉ hành nghề luật sư” có giá trị tương đương nhau mà lại được Luật luật sư quy định thành hai thủ tục hành chính riêng biệt.

Quy định một người chỉ được hành nghề luật sư khi đã gia nhập đoàn luật sư và được cấp thẻ luật sư là không phù hợp với vấn đề lý luận bởi thẻ luật sư thực chất chỉ là thẻ hội viên của luật sư, còn chứng chỉ hành nghề luật sư mới thực sự là văn bản công nhận tư cách luật sư.

Một vấn đề được nhiều người quan tâm trong việc gia nhập đoàn luật sư đó chính là phí gia nhập Đoàn luật sư. Hiện nay có đoàn Luật sư thu phí, đoàn lại không và mức phí khác nhau, thậm chí rất chênh lệch nhau gây ảnh hưởng đến tâm lý của Luật sư và cũng như đang tạo ra những khó khăn cho Luật sư khi muốn gia nhập đoàn.

b. Hình thức hành nghề luật sư

Luật sư có thể lựa chọn một trong các hình thức hành nghề sau đây: Hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư và Hành nghề với tư cách cá nhân

So sánh với các vấn đề về lý luận, luận văn đưa ra quan điểm cho phép thành lập công ty luật trách nhiệm hữu hạn là không hợp lý, bởi tầm ảnh hưởng của luật sư và việc hành nghề luật sư là vô cùng rộng lớn, đòi hỏi trách nhiệm vô hạn đối với tổ chức hành nghề luật sư. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn không đáp ứng được yêu cầu đó.

Luật luật sư 2012 quy định luật sư hành nghề theo tư cách cá nhân chỉ có thể làm việc theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức không phải là tổ chức hành nghề luật sư. Quy định này thu hẹp phạm vi luật sư hành nghề với tư cách cá nhân hơn so quy định tại điều 49 Luật luật sư 2006. Việc sửa đổi điều này tạo nên một điểm bất cập của luật luật sư bởi quy định này hạn chế quyền “lựa chọn hình thức hành nghề luật sư” theo quy định của điều 21 Luật luật sư.

c. Những hoạt động pháp lý của luật sư

Hoạt động tham gia tố tụng của luật sư tuân theo các quy định của pháp luật về tố tụng và pháp luật về luật sư. Về vấn đề này, Luật luật sư 2012 đã có nhiều sửa đổi tích cực so với luật luật sư 2006 về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng. Theo quy định của luật tố tụng dân sự, Luật sư

có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều đương sự trong cùng một vụ án nếu quyền và lợi ích hợp pháp của họ không đối lập nhau. Luật sư có thể tham gia tố tụng từ khi khởi kiện hoặc bất cứ giai đoạn nào trong quá trình tố tụng dân sự. Luật sư được tham gia phiên toà giám đốc thẩm, tái thẩm nếu Toà án xét thấy cần thiết. Trong tố tụng hình sự, luật sư có vai trò là người bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên các đương sự khác, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện và sửa chữa những thiếu sót, làm sáng tỏ sự thật khách quan, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Luận văn cũng phân tích những điểm bất cập của pháp luật trong việc đề nghị cấp giấy chứng nhận người bào chữa hay giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; việc gặp bị can, người bị tạm giữ, tạm giam; việc thực hiện quyền có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can; các quyền của luật sư tại phiên toà

Điều 28 Luật luật sư quy định “Tư vấn pháp luật là việc luật sư hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp khách hàng soạn thảo các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ”. “Khi thực hiện tư vấn pháp luật, luật sư phải giúp khách hàng thực hiện đúng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ”. Quy định này của pháp luật chưa thể hiện được bản chất và tầm quan trọng của hoạt động tư vấn pháp luật của luật sư. Hoạt động tư vấn pháp luật của luật sư gồm các hoạt động: cung cấp tới khách hàng các quy định của pháp luật, giải thích các quy định đó đồng thời định hướng hành vi cho khách hàng. “Hướng dẫn”, “đưa ra ý kiến” có phạm vi quá rộng chưa thể hiện được bản chất của tư vấn pháp luật. “Giúp khách hàng soạn thảo các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ” lại chỉ là một hoạt động rất nhỏ trong việc tư vấn pháp luật của luật sư, chưa đủ tính khái quát.

Luật sư đại diện cho khách hàng để giải quyết các công việc có liên quan đến việc mà luật sư đã nhận theo phạm vi, nội dung được ghi trong hợp đồng dịch vụ pháp lý hoặc theo sự phân công của cơ quan, tổ chức nơi luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động. Ngoài ra luật sư còn thực hiện các dịch vụ pháp lý khác bao gồm giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc liên quan đến thủ tục hành chính; giúp đỡ về pháp luật trong trường hợp giải quyết khiếu nại; dịch thuật, xác nhận

giấy tờ, các giao dịch và giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc khác theo quy định của pháp luật.

d.Trách nhiệm pháp lý trong hoạt động hành nghề luật sư

Trách nhiệm kỷ luật được quy định rất rõ ràng, cụ thể trong Quy định về xử lý kỷ luật luật sư được ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-BTVLĐLSVN ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam. Trách nhiệm kỷ luật này phát sinh khi luật sư hoặc người tập sự hành nghề luật sư có hành vi vi phạm pháp luật về luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư, Điều lệ Đoàn luật sư, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư và các quy định khác của Liên đoàn luật sư Việt Nam, Đoàn luật sư. Tuy nhiên rất nhiều quy định trong quy định còn chung chung, không được định lượng và dẫn đến tình trạng mỗi Đoàn luật sư có cách hiểu và áp dụng khác nhau.

Trách nhiệm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư được quy định trong Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Đối với lĩnh vực luật sư, Nghị định đã có nhiều điểm tích cực hơn các văn bản pháp luật trước đó ở chỗ: đã sửa đổi bổ sung được rất nhiều hành vi vi phạm hành chính, mức xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên trên thực tế việc phát hiện và xử lý luật sư còn gặp nhiều vướng mắc do lực lượng xử lý còn mỏng và nghiệp vụ xử lý còn yếu.

Ngoài trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm hành chính, trong quá trình hành nghề luật sư còn có thể phát sinh trách nhiệm dân sự và trách nhiệm hình sự. Tuy Bộ luật dân sự, bộ luật hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan không có quy định cụ thể liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư, nhưng luật sư là những đối tượng chịu sự điều chỉnh của pháp luật dân sự và pháp luật hình sự.

Luận văn cũng nêu ra một số ví dụ thực tế về trách nhiệm pháp lý của luật sư trong quá trình hành nghề.

2.2.3 Quy định của pháp luật về chấm dứt hoạt động luật sư

a. Tự nguyện chấm dứt hoạt động luật sư

Hoạt động luật sư có thể được chấm dứt dựa trên sự tự nguyện của các luật sư thành viên trong tổ chức hành nghề luật sư hoặc của cá nhân luật sư

hành nghề với tư cách cá nhân. Hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư có thể được chấm dứt trong trường hợp Công ty Luật bị hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức hành nghề luật sư. Tuy nhiên điều quan trọng nhất là cần giải quyết bất cập của pháp luật khi giải quyết hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư như việc gián đoạn hoạt động khi chuyển đổi hình thức, việc trốn tránh nghĩa vụ...

b. Buộc phải chấm dứt hoạt động luật sư

Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân chấm dứt hoạt động luật sư, bị thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư trong các trường hợp quy định tại điều 18 khoản a, b, c, đ, g, h, i, k và được cụ thể hoá tại điều 3 thông tư 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của Luật sư.

Tổ chức hành nghề luật sư chấm dứt hoạt động khi bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Theo quy định của Nghị định 60, Tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động không thời hạn trong trường hợp Lợi dụng việc hành nghề luật sư để gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trong trường hợp luật sư hoặc các luật sư thành viên của tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư thì tổ chức hành nghề luật sư cũng chấm dứt hoạt động. Đó là các trường hợp Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc tất cả các thành viên của công ty luật hợp danh, thành viên của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư.

Tổ chức hành nghề luật sư cũng chấm dứt hoạt động khi thành viên duy nhất của tổ chức chết. Thành viên duy nhất đó là trưởng văn phòng luật sư hoặc giám đốc của công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 47 Luật luật sư quy định về các trường hợp tổ chức hành nghề luật sư chấm dứt hoạt động, nhưng chưa có quy định cụ thể về cách giải quyết các hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hoạt động đó.

2.2.4. Quy định pháp luật về luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam

Luận văn đã khái quát các quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện hành nghề, phạm vi hành nghề, việc chấm dứt hành nghề của Luật sư nước ngoài khi hành nghề tại Việt Nam.

Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài đã được thành lập và đang hành nghề luật sư hợp pháp tại nước ngoài được phép hành nghề tại Việt Nam theo quy định của luật luật sư khi có đủ các điều kiện của pháp luật. Về hình thức hành nghề, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam dưới các hình thức Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh. Luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam dưới hình thức làm việc với tư cách thành viên hoặc làm việc theo hợp đồng cho một chi nhánh hoặc một công ty luật nước ngoài tại Việt Nam. Luật sư nước ngoài cũng có thể làm việc theo hợp đồng cho tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam. Phạm vi hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và luật sư nước ngoài tại Việt Nam được luật luật sư quy định rất chặt chẽ.

Luật sư nước ngoài và tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài chấm dứt hoạt động tại Việt Nam khi tự nguyện chấm dứt, bị thu hồi giấy phép hoặc không tiếp tục gia hạn giấy phép hoặc tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài sáp nhập, hợp nhất với một tổ chức hành nghề luật sư khác. Tất cả các trường hợp này đều phải thực hiện các thủ tục hành chính tại sở tư pháp và Bộ Tư pháp

2.3 Thực trạng hành nghề luật sư ở Việt Nam

Theo báo cáo của Bộ Tư pháp, số lượng và chất lượng luật sư năm 2013 đều tăng hơn so với những năm trước. Tuy nhiên trong nhiều hoạt động hành nghề vẫn còn những kẽ hở của pháp luật và sự không thống nhất trong việc áp dụng pháp luật gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động hành nghề của luật sư.

Các đoàn luật sư, liên đoàn luật sư Việt Nam đã ý thức được nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong việc quản lý luật sư nhưng hầu hết lại chưa phát huy hết được vai trò của mình dẫn đến các yếu kém trong vấn đề quản lý. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, kết hợp với các biện pháp răn đe để các cơ quan quản lý cùng với các luật sư cùng hợp sức thúc đẩy sự phát triển của nghề luật sư ở Việt Nam nói riêng và sự phát triển của xã hội nói chung.

Chương 3: KIẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

3.1. Phần các quy định chung

Kiến nghị sửa đổi cách trình bày của Điều 2 Luật luật sư về khái niệm luật sư: phần “sau đây gọi chung là khách hàng” không chính xác trong trường hợp luật sư chỉ định.

Đối với các quy định về quản lý luật sư và hành nghề luật sư, cần bổ sung vấn đề quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư vào quy định tại điều 6, điều 7 Luật luật sư để đầy đủ hơn các chủ thể thực hiện chức năng quản lý luật sư.

Các đoàn luật sư và liên đoàn luật sư Việt Nam cũng cần quan tâm hơn nữa tới các luật sư thành viên. Bên cạnh đó cũng phải mở rộng quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế để nâng cao kỹ năng của các luật sư đồng thời xây dựng hình ảnh luật sư Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế.

3.2. Về quy định vào nghề luật sư

Chương trình đào tạo luật ở Việt Nam cần thay đổi cả về nội dung và phương pháp. Cần cho sinh viên tiếp xúc nhiều hơn với công việc thực tế của các luật sư. Luận văn cũng lý giải và kiến nghị không nên quy định các đối tượng được miễn đào tạo nghề luật sư như điều 13 của Luật Luật sư và miễn tập sự hành nghề luật sư tại điều 16 Luật luật sư.

Quy định cho người tập sự hành nghề luật sư cũng cần sửa đổi. Nên cho họ được bào chữa, bảo vệ quyền, lợi ích của khách hàng, đại diện cho khách hàng tại phiên tòa, nhưng quy định rõ họ được làm việc này dưới sự hướng dẫn, kiểm soát, bảo đảm của luật sư hướng dẫn, được luật sư hướng dẫn cho phép.

Việc tổ chức, đánh giá kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư cũng cần có biện pháp hạn chế tiêu cực trong thi cử.

3.3. Quy định hành nghề luật sư

3.3.1 Điều kiện hành nghề

Chứng chỉ hành nghề luật sư chính là giấy tờ chứng minh người có đủ tư cách hành nghề. Không nên quy định phải có Thẻ luật sư mới được hành nghề luật sư vì thẻ luật sư chỉ giống như một thẻ hội viên khi luật sư tham

gia vào hội đó. Các đoàn luật sư nên đưa ra một mức phí phù hợp để không gây khó khăn cho các luật sư trong quá trình gia nhập đoàn.

3.3.2 Hình thức hành nghề

Luật sư có quyền tự do lựa chọn hình thức hành nghề: hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư hoặc hành nghề với tư cách cá nhân.

Không nên cho phép luật sư được lựa chọn hình thức công ty luật trách nhiệm hữu hạn, thay vào đó là các loại hình tổ chức chịu trách nhiệm vô hạn như văn phòng luật sư, công ty luật hợp danh.

Đối với luật sư hành nghề với tư cách cá nhân, nên sửa đổi điều 49 Luật luật sư 2012 theo hướng của Luật luật sư 2006, ngoài việc làm việc theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức không phải là tổ chức hành nghề luật sư thì luật sư hành nghề với tư cách cá nhân còn được tự mình nhận vụ, việc, cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động hành nghề và hoạt động theo loại hình hộ kinh doanh cá thể.

3.3.3. Một số hoạt động hành nghề cụ thể của luật sư

Kiến nghị bỏ quy định cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng của luật sư hoặc mở rộng đối tượng được mời người bào chữa trong tố tụng hình sự và rút ngắn thời gian cấp giấy chứng nhận bào chữa. Cần bổ sung một số quy định về gặp mặt người bị tạm giữ, bị can; vai trò của luật sư trong buổi hỏi cung; việc tiếp cận hồ sơ vụ án; nâng cao quyền dân chủ của luật sư tại phiên tòa

3.3.4. Trách nhiệm pháp lý trong hành nghề luật sư:

Kiến nghị giải thích một số cụm từ định lượng như “thiệt hại lớn”, thiệt hại nhỏ,... Trong vấn đề trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hình sự của luật sư trong quá trình hành nghề, cần mở rộng việc tuyên truyền pháp luật cho nhân dân, các cấp, các ngành để họ giúp các cơ quan chức năng trong việc phát hiện vi phạm của luật sư. Việc tuyên truyền pháp luật cũng là một lời răn đe, hạn chế việc vi phạm pháp luật của việc hành nghề luật sư.

3.4. Quy định chấm dứt hành nghề luật sư

Chấm dứt hoạt động hành nghề luật sư đồng nghĩa với việc quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư của tổ chức, cá nhân

luật sư đó cũng chấm dứt. Để dung hoà được với quyền lợi của những người có liên quan tới tổ chức, cá nhân hành nghề luật sư đó, pháp luật cần có quy định hợp lý về việc kế thừa hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ đó.

3.5. Quy định về tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam

Cần bổ sung thêm quy định mở rộng thẩm quyền của luật sư Việt Nam hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài theo hướng cho phép luật sư Việt Nam hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài được quyền tham gia tố tụng tại Toà án Việt Nam.

KẾT LUẬN

Vai trò quan trọng của luật sư trong xã hội là không thể phủ nhận. Hoạt động hành nghề luật sư có mối quan hệ hữu cơ đối với việc xây dựng thành công nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cùng với quá trình phát triển của đất nước và hệ thống pháp luật, nghề luật sư đã có những bước thăng trầm lịch sử. Pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư ở Việt Nam tuy đã có đóng góp tích cực cho sự phát triển của nghề luật sư nhưng vẫn còn nhiều bất cập gây khó khăn cho hoạt động hành nghề luật sư và các cá nhân, tổ chức có liên quan. Do đó em chọn đề tài “Pháp luật về hành nghề luật sư ở Việt Nam” làm luận văn thạc sỹ của mình.

Luận văn đã cố gắng làm rõ những vấn đề lý luận về luật sư và hành nghề luật sư giúp người viết và người đọc có được những hiểu biết cơ bản nhất, nền tảng nhất về nghề luật sư, các quy chế vào nghề, hành nghề, chấm dứt hành nghề luật sư. Dựa trên nền tảng đó, luận văn tập trung phân tích một cách có hệ thống các quy định của pháp luật về hành nghề luật sư ở Việt Nam có sự so sánh với quy định pháp luật của một số nước để từ đó thấy được những thành tựu và bất cập còn tồn tại trong quy định của pháp luật về luật sư ở Việt Nam. Đồng thời, trên cơ sở thực tế nghề nghiệp của bản thân người viết cũng đưa vào luận văn một số vấn đề về thực trạng hành nghề luật sư ở Việt Nam hiện nay giúp người đọc có được cái nhìn toàn diện về nghề luật sư trong xã hội hiện nay. Từ đó, kiến nghị một số vấn đề cần thiết để hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật về hành nghề luật sư tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho nghề luật sư phát triển.

Sự phát triển của nghề luật sư không chỉ phụ thuộc vào nhận thức và hành động của mỗi luật sư mà nó là một quá trình lịch sử trong tổng hoà sự tác động của tất cả các yếu tố trong xã hội. Do đó để nghề luật sư khẳng định được vị thế của mình trong xã hội cần sự đóng góp toàn xã hội, cùng chung tay góp sức để xây dựng một đất nước Việt Nam hùng cường, vững mạnh./.